

Những yếu tố đảm bảo sự độc lập của tòa án liên bang ở Hoa Kỳ

Trương Thị Thu Trang^(*)

Đặng Trần Thanh Ngọc^(**)

Tóm tắt: *Tư pháp độc lập thể hiện qua sự độc lập của tòa án là một giá trị cốt lõi trong văn hóa chính trị - pháp lý của Hoa Kỳ. Giá trị ấy được công nhận và theo đuổi từ khi sáng lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Để đảm bảo sự độc lập của tòa án liên bang, Hoa Kỳ đã thiết lập cơ chế cân bằng và kiểm soát giữa ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cơ chế này có những yếu tố nào giúp đảm bảo cho hệ thống tòa án liên bang độc lập và trên thực tế, tòa án có độc lập tuyệt đối trước áp lực của các cơ quan hành pháp, lập pháp, đảng phái chính trị cũng như truyền thông, dư luận xã hội hay không? Bài viết đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này.*

Từ khóa: Tư pháp độc lập, Tòa án độc lập, Thẩm phán, Tòa án liên bang, Hoa Kỳ

Abstract: *The independent judiciary, partially characterized by the independence of the court, is a core value of American political-legal culture, which has been recognized and pursued since the founding of the United States of America. The United States has established a system of checks and balances on legislative, executive and judicial powers to ensure the independence of the federal courts. The paper aims to answer two research questions including what factors guarantee an independent federal judiciary, and whether the courts are perfectly free from any improper influence of legislative and executive branches or partisan politics, media and public opinion as well.*

Keywords: Judicial Independence, Court Independence, Judges, Federal Court, the United States

Đặt vấn đề

Điều 10 của *Tuyên ngôn Toàn thế giới về Quyền con người* của Liên Hợp Quốc, được ban hành năm 1948 ghi rõ: mọi người

đều có quyền được xét xử công bằng và công khai bởi một Tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và được thành lập trên cơ sở pháp luật¹. Như vậy, điều kiện tiên quyết để đảm bảo công lý, bảo vệ

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: truongthutrangissi@yahoo.com

^(**) TS., Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Email: leantdt4@yahoo.com.vn

¹ Xem: Điều 10, *Tuyên ngôn Toàn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp Quốc*, <http://www.lexilogos.com/declaration/vietnamien.htm>

quyền con người và quyền tự do cơ bản của công dân là phải có một hệ thống tòa án độc lập. Do đó, năm 1985, Liên Hợp Quốc đã thông qua *Văn kiện Các nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của tòa án*, trong đó nhấn mạnh: “tính độc lập của tòa án phải được nhà nước bảo đảm và được ghi nhận chính thức trong hiến pháp hay pháp luật quốc gia. Nhiệm vụ của tất cả các cơ quan của chính phủ và những cơ quan khác là phải tôn trọng và tuân thủ tính độc lập của tòa án” (Liên Hợp Quốc, 1985). Để đảm bảo cho nguyên tắc này được thực thi trên thực tế, mỗi nước trên thế giới có những cơ chế khác nhau phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của từng quốc gia. Bài viết tìm hiểu các yếu tố đảm bảo sự độc lập của tòa án liên bang Hoa Kỳ, một hệ thống tạo được nhiều ấn tượng đối với các nhà quan sát nước ngoài.

1. Khái niệm sự độc lập của tòa án

Sự độc lập của tòa án được định nghĩa từ khái niệm tư pháp độc lập và độc lập xét xử bởi tòa án là cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Nếu tòa án không độc lập thì quyền lực tư pháp không được thực hiện một cách độc lập. Cách hiểu về tư pháp độc lập hiện cũng chưa có sự thống nhất ở Hoa Kỳ.

Derek Oulton (1994: 569) tiếp cận tư pháp độc lập theo nghĩa thẩm phán độc lập nhưng thẩm phán không những độc lập với những áp lực vô lý của nhánh hành pháp, đương sự và đặc biệt là nhóm chính trị mà còn phải độc lập với những áp lực vô lý đến từ truyền thông.

Cũng đồng ý với nghĩa tư pháp độc lập gắn với sự độc lập của thẩm phán, song John Ferejohn (1998: 353) cho rằng, tư pháp độc lập là một ý tưởng được tiếp cận dưới hai yếu tố: yếu tố bên trong (mang nghĩa thông thường) hoặc bên ngoài (mang tính tổ chức). Yếu tố bên trong được hiểu là thẩm phán

cần sự độc lập và có phẩm chất đạo đức, là người có thể được tin tưởng để giải quyết các nhiệm vụ công độc lập với các mối quan tâm khác. Để thực hiện được điều này, thẩm phán cần đến sức mạnh của tổ chức để đối phó với những áp lực hoặc ham muốn vật chất có thể có trong công việc.

Khác với John Ferejohn, Frank Cross (2003: 195), sử dụng cách tiếp cận tổng thể, coi sự độc lập không chỉ của riêng cá nhân thẩm phán mà còn là sự độc lập của quyền tư pháp như một nhánh độc lập của quyền lực nhà nước. Tư pháp độc lập liên quan đến một hệ thống trong đó các tranh chấp được giải quyết bởi một bên thứ ba khách quan, nhưng tư pháp độc lập không có nghĩa thẩm phán độc lập với mọi sự hạn chế, mà là sự độc lập được giới hạn bởi sự độc lập của hành vi tư pháp. Bởi “không ai là một đảo hoang”, tình trạng độc lập tuyệt đối là không thực tế.

Hiệp hội Đoàn Luật sư Hoa Kỳ cũng tán đồng quan điểm của Frank Cross khi cho rằng, tính độc lập của tòa án bao gồm tính độc lập của cá nhân các thẩm phán cũng như của toàn bộ hệ thống như một nhánh quyền lực nhà nước (Dẫn theo: Tô Văn Hòa, 2007: 79).

Với cách tiếp cận coi tòa án là một thiết chế không thể tự thực hiện được quyền tư pháp (xét xử) mà phải thông qua con người cụ thể thay mặt tòa án thực hiện quyền tư pháp, đó là thẩm phán, nên bài viết sử dụng quan điểm của Mira Gur-Arie và Russell Wheeler (2000: 133) cho rằng, điểm cốt lõi của sự độc lập của tòa án chính là sự độc lập của thẩm phán trong hoạt động xét xử, theo đó thẩm phán giải quyết vụ việc tranh chấp một cách vô tư, khách quan, không thiên vị, không bị ảnh hưởng trong quyết định của mình bởi các áp lực đến từ bên ngoài, kể cả áp lực của công chúng.

2. Các phương thức bảo đảm sự độc lập của tòa án liên bang ở Hoa Kỳ

a) Phương thức bảo đảm tòa án liên bang độc lập với cơ quan hành pháp, cơ quan lập pháp và tòa án cấp trên

Thứ nhất là quy định của Hiến pháp “trao quyền tư pháp duy nhất cho tòa án”. Điều 3 Hiến pháp Hoa Kỳ quy định “quyền tư pháp được trao cho Tòa án tối cao và các tòa án thấp hơn”. Tất cả các tòa án ở các cấp đều có quyền xem xét những luật, đạo luật được ban hành có phải là văn bản vi hiến hay xâm phạm lợi ích cộng đồng hay không, nếu là văn bản luật, đạo luật vi hiến hoặc vi phạm, xâm phạm quyền con người thì tòa án có quyền bác bỏ những đạo luật đó. Song, tòa án không tự động đem các văn bản này ra để xem xét, họ chỉ xem xét khi có yêu cầu khởi kiện.

Thứ hai là bảo đảm bằng yếu tố tổ chức bộ máy. Hoa Kỳ thiết lập hai hệ thống tòa án (lưỡng cấp) gồm: hệ thống tòa án liên bang và hệ thống tòa án bang. Hệ thống tòa án liên bang được thiết lập bởi Hiến pháp Hoa Kỳ và Đạo luật tư pháp liên bang, còn hệ thống tòa án bang được thiết lập bởi hiến pháp và luật của 50 bang khác nhau. Bài viết chỉ tìm hiểu hệ thống tòa án liên bang. Đó là các tòa án được cấu trúc thành một hệ thống riêng biệt với hai nhánh quyền lực khác là Nghị viện (nhánh lập pháp) và Tổng thống (nhánh hành pháp), gồm ba tầng: tòa án quận (giải quyết các vụ việc sơ thẩm), tòa án phúc thẩm (giải quyết vụ việc theo thủ tục phúc thẩm) và Tòa án tối cao. Hệ thống tòa án này được coi là các cơ quan của liên bang nên các công việc của tòa án liên bang không phải báo cáo với các cơ quan ở địa phương (dù đó là cơ quan dân cử) hoặc các cơ quan của bang.

Các tòa án liên bang không có mối quan hệ mang tính chất báo cáo công tác

với Tổng thống và Nghị viện. Tuy Tổng thống và Nghị viện cùng tham gia vào quá trình bổ nhiệm thẩm phán tòa án liên bang nhưng khi thực hiện nhiệm vụ giải quyết các vụ việc, tòa án liên bang thực hiện công việc của mình một cách độc lập trong phạm vi thẩm quyền luật định. Nghị viện và Tổng thống không được phép tạo ra bất cứ áp lực nào đối với việc thực thi chức trách bình thường của các thẩm phán.

Trong nội bộ hệ thống tòa án, mối quan hệ giữa các cấp tòa án chỉ là mối quan hệ về tổ tụng chứ không có mối quan hệ cấp trên, cấp dưới. Các thẩm phán thực hiện thẩm quyền của mình một cách độc lập, không cần và cũng không được phép thực hiện việc thỉnh thị án với các tòa án ở tầng cao hơn.

Hệ thống tòa án liên bang độc lập cả về mặt hành chính đối với nhánh hành pháp và nhánh lập pháp liên bang vì không chịu sự quản lý hành chính của cơ quan hành pháp hay cơ quan lập pháp. Việc quản lý cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các thẩm phán, quản lý đội ngũ cán bộ giúp việc cho các thẩm phán được giao cho Văn phòng quản lý hành chính của các tòa án liên bang¹ với tư cách là một cơ quan độc lập chịu sự giám sát trực tiếp của Hội đồng Thẩm phán liên bang². Song, Hội đồng Thẩm phán Hoa Kỳ, Văn phòng quản lý hành chính của các tòa án liên bang cũng như các tòa án liên bang (kể cả Tòa án Tối cao liên bang) đều không có vai trò gì trong việc đề cử hoặc phê chuẩn việc bổ

¹ Xem: <http://www.uscourts.gov/FederalCourts/UnderstandingtheFederalCourts/AdministrativeOffice.aspx>

² Hội đồng Thẩm phán liên bang gồm 26 thẩm phán phúc thẩm do Chánh án Tòa án Tối cao liên bang làm Chủ tịch (được thành lập theo Điều 331 Bộ pháp điển số 28 của Hoa Kỳ: 28 U.S.C. 331).

nhiệm thẩm phán liên bang. Như vậy, Hoa Kỳ thực hiện tổ chức, quản lý theo phương thức: người bổ nhiệm thì không quản lý và ngược lại, người quản lý thì không bổ nhiệm; tổ chức bộ máy liên bang hành chính, tài chính của hệ thống tòa án liên bang tách bạch với tổ chức bộ máy của cơ quan hành pháp và lập pháp.

Thứ ba là thông qua phương thức lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ và chế độ đãi ngộ đối với thẩm phán. Thẩm phán tòa án liên bang được lựa chọn bằng một quy trình thống nhất với sự can dự của Tổng thống và Thượng viện. Theo đó, Tổng thống là người đề cử Thẩm phán liên bang và được Thượng viện phê chuẩn (theo quy định tại Mục 2, Khoản 2, Điều 2 Hiến pháp Hoa Kỳ). Trong thực tế, các thượng nghị sỹ hoặc hạ nghị sỹ cùng đảng với Tổng thống ở địa bàn đang khuyết thẩm phán sẽ đề xuất tên của những ứng viên tiềm năng, sau đó Bộ Tư pháp liên bang sẽ tư vấn cho Tổng thống về việc chọn lựa ứng viên chính thức đề nghị Thượng viện phê chuẩn. Trước khi được Thượng viện phê chuẩn, Ủy ban Tư pháp của Thượng viện sẽ tiến hành các phiên điều trần để bàn về sự phù hợp của mỗi ứng viên cho vị trí thẩm phán tòa án liên bang.

Khi đã được bổ nhiệm, các thẩm phán tòa án liên bang không bị bãi nhiệm khi không có lý do chính đáng và cũng không bị giảm lương trong suốt thời gian tại vị vì bất kỳ lý do gì. Điều 3 Hiến pháp Hoa Kỳ quy định, “các thẩm phán Tòa án liên bang sẽ có nhiệm kỳ suốt đời nếu làm việc tốt và đảm bảo rằng tiền lương của họ sẽ không bị cắt giảm trong suốt thời gian tại vị”. Và trong thực tế, lương của thẩm phán tòa án luôn cao hơn đáng kể so với các quan chức hành chính trong bộ máy chính quyền. Chế độ lương của thẩm phán được công khai và

thường cao hơn so với thu nhập bình quân đầu người của xã hội khoảng 5-6 lần¹.

Tổng thống không có quyền bãi nhiệm thẩm phán. Việc thay thế một thẩm phán liên bang chỉ được tiến hành khi thông qua một quy trình đàn hạch hay luận tội do Nghị viện thực hiện (theo quy định tại Mục 5 và Mục 6, Khoản 3, Điều 1 Hiến pháp Hoa Kỳ), “thẩm phán chỉ bị miễn nhiệm bởi cơ quan lập pháp khi phạm tội hình sự nghiêm trọng và có hành vi vi phạm pháp luật”. Việc thay thế một thẩm phán liên bang được tiến hành thông qua một quy trình đàn hạch (hay luận tội)². Song, các cơ sở để thay thế thẩm phán rất hạn hữu và quy trình cũng vô cùng phức tạp, mang tính bảo vệ các thẩm phán rất cao. Theo Edwards và những người khác (2011), chỉ có 7 thẩm phán liên bang từng bị luận tội và chưa từng có bất kỳ thẩm phán nào của Tòa án Tối cao liên bang bị thay thế thông qua các phiên luận tội này.

Trên thực tế, dù Tổng thống và Thượng viện có thể cố gắng lựa chọn những người có cùng quan điểm với mình, nhưng các thẩm phán liên bang khi được bổ nhiệm đã thề sẽ giữ vị thế độc lập đối với Chính phủ và Nghị viện. Nhờ vậy, các thẩm phán đã giành được sự tôn trọng của người dân, cũng như mang lại uy tín, thẩm quyền to lớn cho tòa án liên bang trong chính trị và pháp luật nước Mỹ. Họ luôn tỏ rõ sự độc lập của mình, chỉ ra quyết định dưới màu sắc công lý. Chẳng hạn: sự độc lập của Thẩm phán

¹ Chế độ lương dành cho thẩm phán Hoa Kỳ được công bố công khai tại website: <http://www.uscourts.gov/JudgesAndJudgeships/JudicialCompensation/judicial-salaries-since-1968.aspx>

² “Đàn hạch” hay “luận tội” (impeachment) là hoạt động của cơ quan lập pháp xem xét việc bãi nhiệm chức vụ của một quan chức nhà nước với những cáo buộc về những hành vi sai trái (Theo: Garner, 1999: 755).

Tòa án liên bang đối với cơ quan hành pháp mà đại diện cao nhất là Tổng thống thể hiện rõ nét khi Tòa án Tối cao liên bang xem xét tính hợp hiến của hành động tịch thu các nhà máy thép lớn ở Mỹ của Tổng thống Harry S. Truman, hai trong số bốn thẩm phán do Tổng thống Truman bổ nhiệm đã bỏ phiếu chống lại ông. Hoặc khi cảnh sát trưởng bang Arizona khởi kiện chính sách DACA (chính sách giành cho trẻ em dưới 16 tuổi, không có quốc tịch Hoa Kỳ, không có giấy tờ hợp lệ được phép cư trú tại Hoa Kỳ trong vòng hai năm) và DAPA (chính sách dành cho những người là cha/mẹ của công dân Hoa Kỳ - những người cha/mẹ này không có quốc tịch Hoa Kỳ - được hoãn trục xuất khỏi nước Mỹ), Thẩm phán Tòa án Tối cao liên bang đã bác bỏ hai đạo luật đó của Tổng thống B. Obama vì cho rằng đó là những đạo luật vi hiến và hai chính sách này đã không được thực hiện.

Để tìm hiểu sự ảnh hưởng của nhánh quyền lập pháp đối với quyết định của Tòa án Tối cao liên bang, J.A. Segal (1997) đã thực hiện một số phân tích thực nghiệm, trong đó ông sử dụng nhiều mô hình khác nhau của quá trình ra quyết định của Nghị viện và rút ra kết luận rằng, không có sự ảnh hưởng nào từ lợi ích của nhánh quyền lập pháp đối với quyết định của Tòa án Tối cao liên bang. Các quyết định của Tòa án Tối cao liên bang không nhằm mục đích làm hài lòng Nghị viện.

Nhiều nhà nghiên cứu không đồng ý với những kết luận của J.A. Segal và chỉ ra rằng, sự độc lập của tòa án đối với cơ quan hành pháp và lập pháp không phải là tuyệt đối. Trong quan hệ với cơ quan hành pháp, sự độc lập của Tòa án Tối cao liên bang vẫn có thể bị ảnh hưởng mạnh bởi Tổng thống với quyền đề cử các viên chức tư pháp, nên Tòa án Tối cao liên bang vẫn có thể tuyên bố một

quyết định của Tổng thống không vi hiến và cùng với đó ủng hộ chính sách của Tổng thống (McMillion, 2010). Và, ảnh hưởng của cơ quan hành pháp đối với tòa án còn thể hiện ở chỗ, tòa án chỉ có quyền đưa ra phán quyết, còn phán quyết có được thực thi hay không lại phụ thuộc vào cơ quan hành pháp.

Trong quan hệ với cơ quan lập pháp, tòa án liên bang vẫn có thể chịu sự ảnh hưởng, chi phối, kiểm chế đáng kể từ Nghị viện Mỹ (Rutkus, 2010). Cụ thể, Thượng viện được quyền xem xét, tư vấn, phê chuẩn hoặc không phê chuẩn tất cả các vị trí thẩm phán tòa án liên bang. Nghị viện có quyền quyết định quy mô của Tòa án Tối cao liên bang và số lượng các tòa án liên bang cấp dưới; xem xét, phê chuẩn hoặc điều chỉnh ngân sách dành cho hoạt động của hệ thống tòa án liên bang mà đứng đầu và quan trọng nhất là Tòa án Tối cao liên bang; hỗ trợ hoặc cản trở việc thực thi những phán quyết, quyết định của tòa án; soạn thảo và thông qua những đạo luật ủng hộ hoặc gây bất lợi cho tòa án; đưa ra những phản đối, công kích cá nhân các thẩm phán đương nhiệm. Đặc biệt, Nghị viện có thể cáo buộc hoặc kết tội thẩm phán đương nhiệm và buộc người này rời khỏi cương vị của mình do có những hành vi mà Nghị viện cho là phạm pháp hoặc không đúng, không phù hợp. Nghị viện có thể vô hiệu hóa phán quyết, quyết định của tòa án liên bang bằng hai phương thức: 1) đưa ra quy chế hoặc sửa đổi đạo luật vi hiến, trong đó né tránh những vấn đề thuộc Hiến pháp hoặc được Hiến pháp quy định, điều chỉnh trực tiếp; 2) thực hiện sửa đổi Hiến pháp về vấn đề liên quan để đảo ngược phán quyết, quyết định của tòa án liên bang. Chẳng hạn, Thẩm phán Kozinski (1998: 870) cho rằng, nhánh quyền lập pháp đã can thiệp quá chức năng vào một trong những quyết định của ông

thậm chí trước khi ông viết xong ý kiến. Hay, đầu thế kỷ XX, Nghị viện Hoa Kỳ đã hủy bỏ Tòa Tài chính mới được thiết lập bởi “không thích” những phán quyết của tòa này (Dix, 1964). Thậm chí, có nghiên cứu còn cho thấy Nghị viện đã trừng phạt những quyết định của ngành tư pháp mà cơ quan này không mong muốn bằng việc cắt giảm ngân sách cho tòa án, và yêu cầu Tòa án Tối cao liên bang phải có trách nhiệm với quyết định mang thiên hướng có thể sửa đổi ngành lập pháp (Toma, 1996).

b) Phương thức bảo đảm tòa án liên bang độc lập với các đảng phái chính trị, định kiến chính trị của bản thân thẩm phán và truyền thông, dư luận xã hội

Thứ nhất, Hiến pháp Hoa Kỳ quy định Thẩm phán có thể làm việc trọn đời, không cần trải qua các cuộc bầu cử theo nhiệm kỳ với một số năm hữu hạn như đối với các nghị sĩ và Tổng thống. Quy định này có ý nghĩa quan trọng nhằm giữ cho các thẩm phán độc lập với các áp lực chính trị và áp lực của truyền thông, dư luận. Một khi họ có nhiệm kỳ trọn đời, điều đó có nghĩa là không một thế lực nào có thể gây sức ép hay đe dọa bãi nhiệm họ. Thẩm phán Tòa án liên bang không cần phải lấy lòng bất cứ thế lực nào để tiếp tục tại vị thẩm phán, họ chỉ cần đưa ra phán xét của mình một cách khách quan và công bằng nhất có thể.

Hiến pháp Hoa Kỳ cũng không có bất cứ yêu cầu nào bắt buộc một thẩm phán phải “phi đảng phái”. Trên thực tế, nhiều Thẩm phán Tòa án Tối cao liên bang được bổ nhiệm dù có quan điểm hoặc thuộc đảng phái khác với quan điểm chính trị của Tổng thống. Chẳng hạn, hai trong số những thẩm phán theo xu hướng tự do nổi tiếng nhất thế kỷ XX, Chánh án Earl Warren và Thẩm phán William Brennan lại được đề cử bởi Tổng thống Đảng Cộng hòa Dwight Eisenhower.

Thứ hai, để đảm bảo các thẩm phán đưa ra những phán quyết độc lập và không bị ảnh hưởng ngay cả với định kiến chính trị của mình, năm 1973, Hội nghị Tư pháp Hoa Kỳ đã thông qua Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Thẩm phán Hoa Kỳ (The Code of Conduct for U.S. Judges). Bộ quy tắc này được bổ sung, chỉnh sửa nhiều lần, theo đó, các thẩm phán không được phát biểu về các ứng cử viên chính trị, công khai tán thành hay phản đối các ứng cử viên ở những môi trường công cộng, hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động chính trị nào khác. Phán quyết của tòa án chỉ nên được xem là sản phẩm của pháp luật và các lập luận pháp lý không bị ảnh hưởng bởi những vấn đề chính trị. Nếu công chúng tin rằng các quyết định của tòa án có động cơ chính trị thì việc chấp hành các phán quyết sẽ không được đảm bảo. Các thẩm phán có thể không đồng ý với nhau, nhưng các bất đồng phải dựa trên những nguyên tắc pháp lý, chứ không phải bị ảnh hưởng bởi một ứng cử viên chính trị hoặc một đảng phái nào đó (Judicial Conference, 2019).

Thứ ba, cấu trúc và chức năng của cơ quan tư pháp cũng làm giảm đi khuynh hướng cá nhân của các thẩm phán đối với việc áp đặt ưu tiên chính trị của họ. Hoạt động xét xử của thẩm phán phải tuân theo những trình tự, thủ tục mà pháp luật đã quy định. Trong quy trình xét xử của tòa án Hoa Kỳ, quá trình nghị án cũng đóng vai trò quan trọng để kiềm chế sự ảnh hưởng của chính trị đến phán quyết của thẩm phán. Hoạt động tranh tụng của các luật sư, công tố, các bên đương sự chỉ tập trung vào vấn đề pháp lý chứ không phải là vấn đề chính trị dù các bên có thể có những quan điểm chính trị khác nhau. Sau khi ra phán quyết, các thẩm phán phải giải thích công khai và biện minh cho các phán quyết của mình. Hầu hết các phán quyết của tòa án đều phải

công khai và các ý kiến bằng văn bản cung cấp những luận cứ cho phán quyết đó cũng được công khai cho bất kỳ ai có nhu cầu tiếp cận. Các phán quyết này có thể được thảo luận rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và thường hướng chủ đề đến những bài phê bình được trau chuốt bởi các luật gia, thẩm phán và các học giả. Việc hạn chế sự tiếp cận của công chúng đối với một số quyết định tư pháp phải theo quy định của Hiến pháp, việc này chỉ được thực hiện dựa trên lợi ích của chính quyền, tổ chức, cá nhân, lợi ích này lớn hơn quyền tiếp cận của công chúng. Đồng thời, việc hạn chế chỉ được áp dụng đối với bản ghi âm và tài liệu tư pháp tại buổi bào chữa vô tội và tuyên án có tội trong vụ án hình sự và tài liệu tổng kết của tòa án trong vụ án dân sự hoặc các bí mật cá nhân, bí mật thương mại trong vụ án dân sự... Hơn nữa, tòa án vẫn phải tuân thủ một quy trình nghiêm ngặt trước khi tuyên bố bảo mật bản ghi âm và tài liệu tư pháp đó. Quy trình này gồm: 1) công bố cho công chúng biết khả năng của việc bảo mật và tạo cơ hội được phản đối cho những bên có lợi ích; 2) chỉ ra lý do cho việc bảo mật trên bản ghi âm đó; và 3) giải thích tại sao biện pháp khác cho việc bảo mật là không đủ (Ellis III, 2008: 945). Rõ ràng, sự công khai, minh bạch các quyết định tư pháp đảm bảo việc các thẩm phán không thể bóp méo những quy định của pháp luật một cách bừa bãi, bởi quyết định thận trọng của họ luôn chịu áp lực của công chúng.

Thứ tư, Hoa Kỳ cũng có các quy định liên quan đến quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ thẩm phán để phòng tránh các trường hợp xảy ra xung đột lợi ích. Năm 1989, Bộ pháp điển số 5 (5 United States Codes) được ban hành trong đó có quy định về việc minh bạch hóa những món quà mà thẩm phán được tặng, các khoản thu

nhập ngoài lương mà thẩm phán có được từ các hoạt động liên quan tới nghề nghiệp. Thẩm phán có thể thực hiện một số hoạt động liên quan tới việc viết sách hoặc giảng dạy, tuy nhiên, thu nhập từ các nguồn ngoài lương này không được vượt quá 15% mức lương mà thẩm phán đã nhận hằng năm. Thẩm phán phải từ chối thụ lý và giải quyết các vụ việc mà do có lợi ích liên quan nên không bảo đảm tính vô tư, khách quan, độc lập trong quá trình giải quyết. Đồng thời, thẩm phán cũng phải thực hiện việc công khai hóa tài sản và thu nhập của mình để công chúng có thể biết và kiểm soát (Dẫn theo: Nguyễn Văn Cương, 2014).

Thứ năm, Hoa Kỳ còn thiết lập riêng một Ủy ban thường trực về Tư pháp độc lập thuộc Liên đoàn luật sư nhằm thực hiện bốn nhiệm vụ chính: (1) hỗ trợ các tòa án và các đoàn luật sư phát hiện, phòng ngừa và phản ứng lại với các biểu hiện vi phạm nguyên tắc độc lập xét xử; (2) thúc đẩy, nâng cao nhận thức của công chúng về tầm quan trọng của tư pháp độc lập và việc chọn lựa các thẩm phán có đủ phẩm chất, năng lực phù hợp làm việc cho hệ thống tòa án Hoa Kỳ nhằm thúc đẩy nguyên tắc pháp quyền; (3) nghiên cứu, đưa ra các khuyến nghị, giải pháp nâng cao sự độc lập trong hoạt động xét xử của các thẩm phán; (4) tiếp nhận và xử lý, hỗ trợ xử lý các khiếu nại từ các đoàn luật sư cáo buộc về các hành vi vi phạm nguyên tắc tư pháp độc lập (Weisenberg, 2011).

Tuy nhiên, Thẩm phán Tòa án liên bang không độc lập tuyệt đối với đảng phái chính trị cũng như truyền thông, dư luận xã hội. Pamela S. Katz và Lê Nguyễn Gia Thiện (2018) cho rằng, trong thế kỷ XXI, đặc biệt trong thời gian từ khoảng đầu năm 2016 đến nay, vấn đề chính trị hóa tòa án đã thách thức các chức năng cũng như mục đích của hệ

thống tòa án Hoa Kỳ. Chính trị vẫn có ảnh hưởng nhất định trong quá trình bổ nhiệm thẩm phán, đặc biệt là khi Tổng thống là người của đảng chính trị không chiếm đa số ở Thượng viện (những người phê chuẩn sự giới thiệu của Tổng thống). Tổng thống nhiều khi phải giới thiệu một ứng viên, dù có năng lực tốt, nhưng có khuynh hướng chính trị khác với Ủy ban Tư pháp của Thượng viện, hay rộng hơn là của cả Thượng viện. Nếu ứng viên là thẩm phán hoặc học giả có tiếng, sẽ có những bản thu thập về nội dung các bài viết, phát biểu, quan điểm của ứng viên, một số ứng viên vì điều này mà không được Thượng viện thông qua.

Pamela S. Katz và Lê Nguyễn Gia Thiện (2018) đã đưa ra ví dụ chứng minh cho nhận định trên như sau: khi Thẩm phán Antonin Scalia qua đời ngày 13/02/2016, việc bổ nhiệm bổ sung Thẩm phán Tòa án Tối cao liên bang được cho là chịu ảnh hưởng nhiều của chính trị. Ngày 16/3/2016, Tổng thống B. Obama giới thiệu Thẩm phán Merrick Garland nhưng không được Ủy ban Tư pháp của Thượng viện xem xét nên Tòa án Tối cao liên bang chỉ có 8 thành viên, trong đó có 4 người theo khuynh hướng cởi mở và 4 người theo khuynh hướng bảo thủ. Do đó, các chương trình làm việc của Tòa án Tối cao liên bang năm 2016 kết thúc với nhiều quyết định, với 4 phiếu thuận, 4 phiếu chống, điều này đã làm cho Tòa án Tối cao liên bang gặp nhiều khó khăn về các vấn đề như di trú và công đoàn. Không lâu sau khi nhậm chức, ngày 31/01/2017 Tổng thống Donald Trump đã giới thiệu Thẩm phán Neil Gorsuch (có khuynh hướng bảo thủ về các vấn đề xã hội, chính trị và cả tư pháp, khác với khuynh hướng chính trị của Thẩm phán Garland) vào vị trí trống ở Tòa án Tối cao liên bang. Tháng 3/2017, Ủy ban Tư pháp của Thượng viện đã đồng thuận với

sự giới thiệu này và đề xuất thông qua ở Thượng viện. Ngày 07/4/2017, Thẩm phán Neil Gorsuch đã được Thượng viện (có đa số là đảng viên Đảng Cộng hòa) phê chuẩn với sự đồng thuận cao. Rõ ràng, việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Tối cao liên bang nêu trên đã chịu ảnh hưởng của đảng phái chính trị.

Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, truyền thông, dư luận xã hội cũng có ảnh hưởng đến sự độc lập của tòa án khi quyết định tư pháp của Tòa án Tối cao liên bang Hoa Kỳ thường phù hợp với quan điểm của công chúng cũng như gần với nhánh quyền lực được bầu cử của chính quyền (Marshall, 1989; Mc Guire and Stimson, 2004). Frank Cross (2003) lý giải rằng, ngành tư pháp cũng có thể bị ảnh hưởng bởi công chúng, vì thẩm phán sống giữa cộng đồng, đọc cùng loại báo và đương nhiên có những ảnh hưởng giống đám đông. Thẩm phán cũng có thể e ngại những phản ứng tiêu cực của đám đông đối với những quyết định có thể liên quan tới địa vị của họ. Chẳng hạn, phiên tòa năm 1935 xử Richard Bruno Hauptmann bị buộc tội bắt cóc và giết con trai của phi công Charles Lindbergh, vụ án này được báo chí đưa tin nhiều chưa từng thấy. Hauptmann đã bị kết án, song những nghiên cứu sau đó lại đặt ra câu hỏi: phải chăng sự điên loạn của truyền thông đã dẫn đến việc phán quyết vội vàng khiến một người đàn ông vô tội bị kết án (Hengstler, 2003: 48).

Kết luận

Nói tóm lại, sự độc lập của tòa án liên bang Hoa Kỳ là một giá trị căn bản mà Hiến pháp và pháp luật Hoa Kỳ ghi nhận và bảo đảm thực hiện trong hàng trăm năm qua. Sự độc lập của tòa án liên bang được định hình bởi các quy định pháp lý, truyền thống chính trị và yếu tố văn hóa đặc thù của Hoa Kỳ và đã phát triển theo thời gian cùng với

những thay đổi của tình hình đất nước. Các yếu tố về cấu trúc tổ chức bộ máy, quản lý tài chính, nhân sự, phương thức bổ nhiệm, miễn nhiệm, chế độ đãi ngộ thẩm phán, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của thẩm phán... được sử dụng để đảm bảo sự cân bằng giữa tính độc lập với tính chịu trách nhiệm của tòa án ở Hoa Kỳ. Tòa án Tối cao liên bang Hoa Kỳ có sự độc lập trong hoạt động nhưng không phải là sự độc lập tuyệt đối mà vẫn chịu sự kiểm chế, ảnh hưởng của cơ quan hành pháp, lập pháp, đảng phái chính trị; chịu sự giám sát, ảnh hưởng của truyền thông và dư luận xã hội qua cơ chế công khai, minh bạch các phán quyết cũng như trách nhiệm giải trình. Đồng thời, việc thực thi quyền lực tư pháp của tòa án vẫn trông cậy nhiều vào sự sẵn sàng hợp tác của quyền lực lập pháp và quyền lực hành pháp, bởi một phán quyết không được thi hành có thể không có hiệu lực □

Tài liệu tham khảo

1. Cross, Frank (2003), “Thoughts on Goldilocks and judicial independence”, *Ohio State Law Journal*, Vol 64, pp. 195-219.
2. Nguyễn Văn Cương (2014), *Cơ chế bảo đảm độc lập tư pháp ở Hoa Kỳ*, <http://canhsatnhandan.vn/Home/Quoc-te/493/Co-che-bao-dam-doc-lap-tu-phap-o-Hoa-Ky>, truy cập ngày 12/3/2020.
3. Dix, G. E. (1964), “The death of the Commerce Court: a study in institutional weakness”, *American Journal of Legal History*, No. 8.
4. Edwards III, George C., Wattenberg, Martin P., Lineberry, Robert L. (2011), *Government in America: People, Politics and Policy*, 15th Edition, Peasson, 752p.
5. Ellis III, T.S. (2008), “Sealing, Judicial Transparency and Judicial Independence”, *Villanova Law Review*, Vol. 53, pp. 939-950.
6. Ferejohn, J. (1998), “Independent judges, dependent judiciary: explaining judicial independence”, *Southern California Law Review*, Vol. 72, pp. 353.
7. Garner, Bryan A. (1999), *Black's law Dictionary*, 7th edition, West Group.
8. Gur-Arie, Mira and Wheeler, Russell (2000), *Judicial Independence in the United States: Current Issues and Background Information*, [http://www.fjc.gov/public/pdf.nsf/lookup/JudIndep.pdf/\\$file/JudIndep.pdf](http://www.fjc.gov/public/pdf.nsf/lookup/JudIndep.pdf/$file/JudIndep.pdf), truy cập ngày 12/3/2020.
9. Hengstler, Gary A. (2003), *Vai trò của truyền thông trong việc thay đổi diện mạo của tòa án ở Hoa Kỳ*, trong tập: “Diện mạo đang thay đổi của ngành tòa án ở Hoa Kỳ”, Tạp chí *Điện tử* của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tập 8, số 1.
10. Tô Văn Hòa (2007), *Tính độc lập của Tòa án*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
11. Judicial Conference (2019), *The Code of Conduct for United States Judges*, <https://www.uscourts.gov/judges-judgeships/code-conduct-united-states-judges>, truy cập ngày 12/3/2020.
12. Kozinski, A. (1998), “The many faces of judicial independence”, *Georgia State University Law Review*, No. 14, pp. 861-73.
13. Liên Hợp Quốc (1985), *Các nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của tòa án năm 1985*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Nguyen-tac-co-ban-ve-tinh-doc-lap-cua-toa-an-1985-275836.aspx>, truy cập ngày 12/3/2020.
14. Marshall, T.R. (1989), *Public Opinion and the Supreme Court*, Boston: Unwin Hyman.

15. Mc Guire, K.T. and Stimson, J.A. (2004), “The least dangerous branch revisited: new evidence on Supreme Court responsiveness to public preferences”, *Journal of Politics*, Vol. 66, pp. 1018-1035.
16. McMillion, Barry J. (2010), *Supreme Court Appointment Process: President's Selection of a Nominee*, CRS Report for Congress No. R44235, <https://fas.org/sgp/crs/misc/RL31989.pdf>, truy cập ngày 12/3/2020.
17. Oulton, Derek (1994), “Review: Independent of Whom?”, *Journal of Law and Society*, Vol. 21, No. 4, pp. 567-570.
18. Rutkus, Denis Steven (2010), *Supreme Court Appointment Process: Roles of the President, Judiciary Committee, and Senate*, CRS Report for Congress No. RL31989, <https://fas.org/sgp/crs/misc/RL31989.pdf>, truy cập ngày 12/3/2020.
19. Pamela S. Katz, Lê Nguyễn Gia Thiện (2018), “Cấu trúc và chức năng của tòa án Hoa Kỳ”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, số 1+2.
20. Segal, J.A. (1997), “Separation-of-powers games in the positive theory of Congress and courts”, *American Political Science Review*, Vol. 91, pp. 28-44.
21. Toma, E.F. (1996), “A contractual model of the voting behavior of the Supreme Court: the role of the chief justice”, *International Review of Law and Economics*, Vol. 16, pp. 433-445.
22. Trung tâm Thông tin, Thư viện và Nghiên cứu khoa học, Văn phòng Quốc hội (2009), *Tuyển tập Hiến pháp một số nước trên thế giới*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
23. US Supreme Court (1980), *United States v. Will*, 449 U.S. 200, 218 (1980), <https://supreme.justia.com/cases/federal/us/449/200/>, truy cập ngày 12/3/2020.
24. Weisenberg, William K. (2011), *American Bar Federation Standing Committee on Judicial Independence Report to the House of Delegates*, <http://online.wsj.com/public/resources/documents/ABAAresolution.pdf>, truy cập ngày 12/3/2020.

(tiếp theo trang 28)

Để có thể phát triển bền vững và nhân rộng các mô hình tự quản cộng đồng này ra các địa phương miền núi tỉnh Điện Biên nói riêng và vùng Tây Bắc nói chung, Nhà nước và chính quyền các cấp cần quan tâm bám sát, phát hiện tính ưu việt của mỗi mô hình, có cơ chế, khuôn khổ pháp lý, chính sách hỗ trợ để các mô hình này hoạt động hiệu quả và bền vững trong cộng đồng □

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban nhân dân xã Núa Ngam (2019), *Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội*,
- Đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2018; *Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2019*.
2. Ủy ban nhân dân xã Thanh Xương (2019), *Báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2018; Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2019*.
3. Viện Nghiên cứu và Hỗ trợ phát triển, Viện Xã hội học (2019), *Kết quả định tính của Đề tài “Nghiên cứu các mô hình tự quản cộng đồng dân cư làng - xã trong xây dựng nông thôn mới, Khảo sát tại xã Thanh Xương và xã Núa Ngam tháng 11/2019*.